

Số: 356 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 21 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích thủy lợi năm 2019 cho
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đặt hàng, đấu thầu, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/07/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2016;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 14/12/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 – 2020;



Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt diện tích được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Liên Sở: Tài chính và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 27/TTr-STC-NN&PTNT ngày 07 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích, kinh doanh tổng hợp năm 2019 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông với tổng số tiền là 42.908.285.215 đồng, cụ thể:

1. Kế hoạch cung ứng quản lý khai thác công trình thủy lợi:

a) Tổng diện tích thực hiện là: 45.918,816 ha, trong đó:

- Diện tích tưới nước: 43.447,874 ha.

- Diện tích tiêu nước: 2.296,830 ha.

- Diện tích cấp nước: 174,112 ha.

b) Chất lượng dịch vụ: Đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các đối tượng theo hợp đồng đã ký kết.

c) Thời gian hoàn thành: Việc tưới, tiêu, cấp nước phải đảm bảo theo khung thời vụ sản xuất, theo hợp đồng ký kết với các bên liên quan.

2. Kế hoạch tài chính:

a) Kế hoạch doanh thu: 42.908.285.215 đồng.

b) Kế hoạch chi: 42.788.285.215 đồng.

Trong đó: Nộp ngân sách: 103.300.000 đồng.

c) Cân đối thu chi lãi (lỗ): 120.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt, các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước, tình hình thực tế của hệ thống công trình, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông lập kế hoạch cụ thể về: Dịch vụ tưới tiêu; thu, chi tài chính công ích và kinh doanh khai thác tổng hợp; sửa chữa thường xuyên công trình; hoạt động có liên quan để thực hiện.

Điều 2. Kế hoạch nhiệm vụ công ích, kinh doanh tổng hợp năm 2019 cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTKH(U).

02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón



Phụ lục(Kèm theo Quyết định số **356** /QĐ-UBND ngày **21** /3/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)**A. CHI TIẾT KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC NĂM 2019**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ghi chú
I	Kế hoạch tưới, tiêu		45.918,816	
1	Diện tích tưới nước	Ha	43.447,874	
3	Diện tích tiêu nước	Ha	2.296,830	
4	Diện tích cấp nước	Ha	174,112	
II	Thời gian, tiến độ	Việc tưới, tiêu, cấp nước phải đảm bảo theo khung thời vụ sản xuất, theo hợp đồng ký kết với các bên liên quan		
III	Chất lượng phục vụ	Đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các đối tượng theo hợp đồng đã ký kết		

B. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Kế hoạch doanh thu	42.908.285.215	
1	Cấp bù do miễn thủy lợi phí		
2	Thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	42.788.285.215	
3	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	50.000.000	
4	Thu khác	70.000.000	
II	Kế hoạch chi	42.788.285.215	
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi	42.788.285.215	
	Trong đó:		
	Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên	12.786.765.632	
2	Chi kinh doanh khai thác tổng hợp	-	
3	Chi khác	-	
III	Cân đối thu chi lãi (lỗ)	120.000.000	
1	Lãi (lỗ) khai thác công trình thủy lợi	-	
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	120.000.000	
IV	Kế hoạch ngân sách hỗ trợ	42.788.285.215	
1	Nội dung hỗ trợ	42.788.285.215	
1.1	Hỗ trợ kinh phí sử dụng và giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	42.788.285.215	
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	-	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1.3	Cấp 02 quỹ khen thưởng phúc lợi	-	
1.4	Cấp đầu tư sửa chữa lớn	-	
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	-	
2	Nguồn hỗ trợ	42.788.285.215	
2.1	Ngân sách trung ương	35.611.000.000	
2.2	Kinh phí còn thiếu đề nghị ngân sách TW bổ sung	7.177.285.215	
2.3	Ngân sách địa phương	-	
V	Kế hoạch nộp ngân sách	103.300.000	
1	Nộp tiền thuê đất	15.000.000	
2	Nộp thuế GTGT	6.300.000	
3	Nộp khác	82.000.000	
VI	Kế hoạch lao động tiền lương		
1	Số lao động (công ích) bình quân	176	
2	Quỹ tiền lương	14.485.704.960	
VII	Một số khoản mục chi h́ cho công tác tưới nước, tiêu nước và cấp nước	42.788.285.215	
1	Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương (bao gồm cả tiền ăn giữa ca)	17.513.693.083	
2	Các khoản phải nộp tính theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ	3.158.945.050	
3	Khấu hao cơ bản TSCĐ của những tài sản phải trích khấu hao	2.496.483.057	
4	Nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị dùng cho dịch vụ tưới nước, tiêu nước	482.519.458	
5	Chi bảo trì công trình thủy lợi	12.786.765.632	
6	Chi phí tiền điện bơm tưới, tiêu	1.486.520.832	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.330.847.200	
8	Chi phí cho công tác bảo hộ, an toàn lao động và bảo vệ công trình thủy lợi	528.000.000	
9	Chi phí khác	2.004.510.903	

✓